

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/02/2022

*"V/v ly hôn"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm.

Bà Phạm Thị Thà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Đức P**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: KDC Đ, phường V, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Đ, phường V, thành phố L tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

(Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị T có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh **Trần Đức P** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị T** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L (nay là phường V, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 15/8/1993. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh đi làm ăn xa, chị T không chung thủy với anh, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Năm 2018 anh được biết chị T

đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến nay chưa về nước, trong thời gian ở nước ngoài vợ chồng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, tình cảm không thể hàn gắn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Đức T1, sinh ngày 18/6/1994 và Trần Đức T2, sinh ngày 21/02/2000, các con đều đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do Anh P không cung cấp được địa chỉ của chị T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị T: Anh Nguyễn Văn T3 là em trai chị T trình bày: Anh không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Anh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị T biết. Thông qua gia đình chị T có quan điểm và xác định trước khi chị đi nước ngoài vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do Anh P không chung thủy với chị, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay, anh T có đơn xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Chị xác định vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày là đúng, tuy nhiên các con đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Anh P ủy quyền cho bà Vũ Thị C thay anh giao nhận các tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, bà Chang đã thông báo cho Anh P biết, Anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa Anh P và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Trần Đức P ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Các con đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Đức P sinh sống tại Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại KDC Đ, phường V, thành phố L tỉnh Hải Dương, hiện chị T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh P không cung cấp được địa chỉ của chị T tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Thêm - em trai chị T, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình chị T cũng có quan điểm xin được vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh P và chị T theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức P và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L (nay là phường V, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 15/8/1993, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng và nghi ngờ tình cảm của nhau, từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, cuộc sống không có sự chia sẻ, gắn bó. Năm 2001 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị không liên lạc với anh Phước, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay Anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Thông qua gia đình chị T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa Anh P và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phước.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Đức T1, sinh ngày 18/6/1994 và Trần Đức T2, sinh ngày 21/02/2000. Các con đã thành niên, anh Phước, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Trần Đức P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đức P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đức P ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Trần Đức P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004273 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh P đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Đức P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, thành phố L, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
**(đã ký)**